

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5308 /UBND-VXNV

Ninh Thuận, ngày 07 tháng 12 năm 2018

V/v thông báo danh sách xã,
thôn đặc biệt khó khăn, các xã
vùng núi, vùng sâu, vùng xa và
vùng bãi ngang ven biển để thực
hiện chính sách đối với cán bộ
công chức, viên chức ngành
Giáo dục và Đào tạo

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Căn cứ Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, Khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1421/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh

Thuận vào danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn;

Thực hiện Quyết định số 42/UB-QĐ ngày 23/5/1997 của Chủ nhiệm, Bộ trưởng Ủy ban Dân tộc và Miền núi về việc công nhận 3 khu vực miền núi, vùng cao;

Thực hiện Quyết định số 363/2005/QĐ-UBDT ngày 15/8/2005 của Chủ nhiệm, Bộ trưởng Ủy ban Dân tộc về việc công nhận các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao;

Thực hiện Quyết định số 172/2006/QĐ-UBDT ngày 15/8/2005 của Chủ nhiệm, Bộ trưởng Ủy ban Dân tộc về việc công nhận các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao;

Thực hiện Thông tư liên tịch số 08/2011/TTLT-BNV-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của liên Bộ: Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Thực hiện Thông tư liên tịch số 35/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 19 tháng 9 năm 2013 của liên Bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện khoản 1 và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định Chính phủ số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Thực hiện Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23 tháng 01 năm 2006 của liên Bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập;

Thực hiện Quyết định số 86/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân tỉnh về bãi bỏ Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 08/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định thôn, xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa và vùng bãi ngang để thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc tỉnh Ninh Thuận,

Để thực hiện đúng, đủ các chính sách, chế độ cho cán bộ, công chức, viên chức trong ngành giáo dục và đào tạo làm việc ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực II, khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; xã miền núi, vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận để thực hiện các chế độ, chính sách liên quan tại Phụ lục I và Phụ lục II (Đính kèm).

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh căn cứ các quy định hiện hành để giải quyết các chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Giáo dục và Đào tạo đúng đối tượng, chế độ quy định.

Trường hợp những địa bàn vừa thuộc đối tượng hưởng các chính sách tại Phụ lục I lại vừa thuộc đối tượng hưởng các chính sách tại Phụ lục II, thì chỉ được hưởng một chính sách cao nhất.

Trong trường hợp các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước có quyết định thay đổi hoặc điều chỉnh thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực II, khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, giao Sở Giáo dục và Đào tạo cập nhật, điều chỉnh, bổ sung để hướng dẫn các cơ quan, địa phương, đơn vị thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Giáo dục và Đào tạo đúng quy định.

Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 9 năm 2018.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo) để giải quyết hoặc báo cáo các Bộ, ngành Trung ương xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng GDĐT các huyện, thành phố;
- VPUB: PVP (HXN), KTTH;
- Lưu: VT, VXVN. NAM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Bình



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I

Danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực II, khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; xã miền núi, vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận làm căn cứ thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo theo các Nghị định của Chính phủ: số 61/2006/NĐ-CP

ngày 20/6/2006, số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013

và số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010

(Ban hành kèm theo Công văn số 5208/UBND-VXNV ngày 07/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Tên huyện	Tên xã có địa bàn được hưởng chính sách	Khu vực	Tên xã, thôn được hưởng chính sách	Ghi chú
I. BẮC AI	09 xã		09 xã	
	1. Xã Phước Bình	III	1. Xã Phước Bình	Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của TTCP
	2. Xã Phước Hòa	III	2. Xã Phước Hòa	
	3. Xã Phước Thành	III	3. Xã Phước Thành	
	4. Xã Phước Đại	III	4. Xã Phước Đại	
	5. Xã Phước Tiến	III	5. Xã Phước Tiến	
	6. Xã Phước Thắng	III	6. Xã Phước Thắng	
	7. Xã Phước Trung	III	7. Xã Phước Trung	
	8. Xã Phước Chính	III	8. Xã Phước Chính	
	9. Xã Phước Tân	III	9. Xã Phước Tân	
II. NINH HẢI	01 xã		01 xã	
	1. Xã Vĩnh Hải	II; BN	1. Xã Vĩnh Hải	Quyết định 1421/QĐ-TTg ngày 25/10/2018 của TTCP
III. NINH PHƯỚC	04 xã; 01 Thị trấn		02 xã; 02 thôn; 01 KP	
	1. Xã Phước Thái	II	1. Thôn Tà Dương	Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của TTCP
	2. Xã Phước Vinh	II	2. Thôn Liên Sơn 2	
	3. Thị trấn Phước Dân	II	3. Khu phố 6	
	4. Xã An Hải	II; BN	Xã An Hải	Quyết định 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của TTCP
	5. Xã Phước Hải	BN	Xã Phước Hải	

Tên huyện	Tên xã có địa bàn được hưởng chính sách	Khu vực	Tên xã, thôn được hưởng chính sách	Ghi chú
IV. THUAN BAC	05 xã		02 xã; 08 thôn	
	1. Xã Lợi Hải	II		Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của TTCP
			1 Thôn Ân Đạt	
			2 Thôn Kiên Kiên 2	
	2. Xã Công Hải	II		
			1 Thôn Xóm Đền	
			2 Thôn Kà Rôm	
			3 Thôn Suối Vang	
			4 Thôn Ba Hồ	
	3. Xã Bắc Sơn	II		
			1 Thôn Xóm Bằng	
			2 Thôn Xóm Bằng 2	
	4. Xã Phước Chiến	III	Xã Phước Chiến	
	5. Xã Phước Kháng	III	Xã Phước Kháng	
V. NINH SON	07 xã		02 xã; 06 thôn	
	1. Xã Lâm Sơn	II	1 Thôn Gòn-2	Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của TTCP
	2. Xã Lương Sơn	II	1 Thôn Trà Giang 2	
	3. Xã Quảng Sơn	II	1 Thôn Lương Giang	
	4. Xã Nhon Sơn	II	1 Thôn Láng Ngựa	
	5. Xã Mỹ Sơn	II		
			1 Thôn Mỹ Hiệp	
			2 Thôn Nha Húi	
	6. Xã Hòa Sơn	III	Xã Hòa Sơn	
	7. Xã Ma Nới	III	Xã Ma Nới	
VI. THUAN NAM	02 xã		02 xã	
	1. Xã Phước Hà	III	Xã Phước Hà	Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của TTCP
	2. Xã Phước Dinh	BN	Xã Phước Dinh	Quyết định 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của TTCP



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC II

Danh sách xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận làm căn cứ thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo theo Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ.
(Ban hành kèm theo Công văn số 5308 /UBND-VXNV ngày 07/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Tên huyện	Tên xã có khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa	Khu vực	Tên xã được hưởng chính sách	Ghi chú
I. BẮC AI	09 xã		09 xã	
	1. Xã Phước Bình	MN	1. Xã Phước Bình	Quyết định số 363/2005/QĐ-UBND ngày 15/8/2005 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc
	2. Xã Phước Hòa	MN	2. Xã Phước Hòa	
	3. Xã Phước Thành	MN	3. Xã Phước Thành	
	4. Xã Phước Đại	MN	4. Xã Phước Đại	
	5. Xã Phước Tiến	MN	5. Xã Phước Tiến	
	6. Xã Phước Thắng	MN	6. Xã Phước Thắng	
	7. Xã Phước Trung	MN	7. Xã Phước Trung	
	8. Xã Phước Chính	MN	8. Xã Phước Chính	
	9. Xã Phước Tân	MN	9. Xã Phước Tân	
II. NINH HẢI	02 xã			
	1. Xã Vĩnh Hải	VC	1. Xã Vĩnh Hải	Quyết định số 42/UB-QĐ ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi
	2. Xã Phương Hải	VC	2. Xã Phương Hải	
III. NINH PHƯỚC	01 xã		01 xã	
	1. Xã Phước Thái	VC	1. Xã Phước Thái	Quyết định số 42/UB-QĐ ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi
IV. THUAN BẮC	05 xã		05 xã	
	1. Xã Lợi Hải	VC	1. Xã Lợi Hải	Quyết định số 42/UB-QĐ ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng,
	2. Xã Công Hải	VC	2. Xã Công Hải	
	3. Xã Phước Chiến	VC	3. Xã Phước Chiến	
	4. Xã Phước Kháng	VC	4. Xã Phước Kháng	

Tên huyện	Tên xã có khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa	Khu vực	Tên xã được hưởng chính sách	Ghi chú
				Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi
	5. Xã Bắc Sơn	MN	5. Xã Bắc Sơn	Quyết định số 172/2006/QĐ-UBND ngày 07/7/2006 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc
V. NINH SƠN	07 xã		07 xã	
	1. Thị trấn Tân Sơn	MN	1. Thị trấn Tân Sơn	Quyết định số 363/2005/QĐ-UBND ngày 15/8/2005 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc
	2. Xã Lương Sơn	MN	2. Xã Lương Sơn	
	3. Xã Mỹ Sơn	MN	3. Xã Mỹ Sơn	Quyết định số 42/UB-QĐ ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi
	4. Xã Lâm Sơn	VC	4. Xã Lâm Sơn	
	5. Xã Hòa Sơn	MN	5. Xã Hòa Sơn	
	6. Xã Quảng Sơn	MN	6. Xã Quảng Sơn	
	7. Xã Ma Nối	VC	7. Xã Ma Nối	
VI. THUAN NAM	06 xã		06 xã	
	1. Xã Phước Minh	MN	1. Xã Phước Minh	Quyết định số 363/2005/QĐ-UBND ngày 15/8/2005 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc
	2. Xã Phước Nam	VC	2. Xã Phước Nam	Quyết định số 42/UB-QĐ ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi
	3. Xã Phước Dinh	VC	3. Xã Phước Dinh	
	4. Xã Phước Hà	VC	4. Xã Phước Hà	
	5. Xã Nhị Hà	MN	5. Xã Nhị Hà	
	6. Xã Phước Diêm	MN	6. Xã Phước Diêm	